

GIỮ [+0.6%]

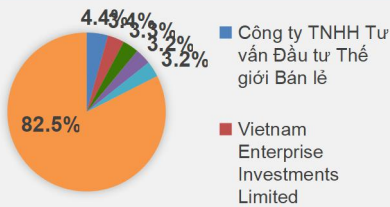
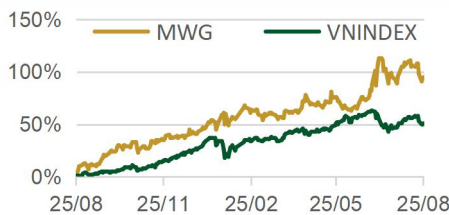
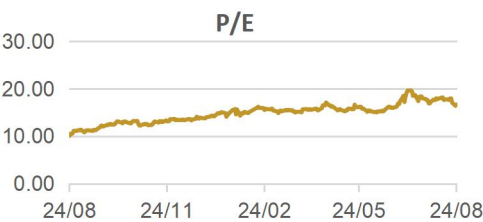
Ngày cập nhật: 27/08/2021

| | | |
|--------------|---------|-----|
| Giá mục tiêu | 165,500 | VND |
| Giá hiện tại | 164,500 | VND |

PHS

 (+82-28) 5 413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

| | |
|--------------------------|------------|
| CP đang lưu hành (triệu) | 475.2 |
| Free-float (triệu) | 308.9 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 76,281 |
| KLGD TB 3 tháng | 1,370,634 |
| Sở hữu nước ngoài | 49.00% |
| Ngày niêm yết đầu tiên | 14/07/2014 |

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: Bloomberg, PHFM tổng hợp

Khó cán mốc kế hoạch doanh thu 2021

Cập nhật KQKD 7 tháng đầu năm 2021: MWG ghi nhận doanh thu lũy kế 7 tháng đầu năm 2021 đạt 71,986 tỷ đồng (+12%YoY). Riêng tháng 7/2021, doanh thu thuần đạt ~9,500 tỷ đồng (+10%YoY), động lực tăng trưởng đến từ chuỗi BHX trong khi đó doanh thu sụt giảm mạnh ở hai chuỗi Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện Máy Xanh (ĐMX) do có khoảng ~2,000 cửa hàng (chiếm khoảng 70% tổng số điểm bán trên toàn quốc) phải tạm đóng cửa trong nửa cuối tháng 7. Biên lãi gộp duy trì ở mức ~23%. Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 2,784 tỷ đồng (+18%YoY). Như vậy, Công ty đã hoàn thành 58% kế hoạch doanh thu và 59% kế hoạch LNST.

Điểm nhấn đầu tư:

Chuỗi TGDD và ĐMX – tăng trưởng âm trong Q3/2021: Trong tháng 7/2021, doanh thu của hai chuỗi TGDD và ĐMX đạt 5,220 tỷ đồng, giảm 33% so với tháng trước và 24% so với cùng kỳ năm trước do phần lớn cửa hàng đang tạm đóng hoặc hạn chế hoạt động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại. MWG đã nỗ lực tận dụng mọi cơ hội bán hàng qua kênh online, tập trung đẩy mạnh doanh thu ở những nơi ít chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh và chuỗi Điện Máy Xanh Supermini (ĐMS). Cụ thể, doanh thu kênh online tăng trưởng lên tới 61%YoY (đạt ~1,000 tỷ đồng); và chuỗi ĐMS đóng góp ~ 500 tỷ đồng doanh thu, chiếm 13% tổng doanh thu chuỗi ĐMX trong tháng 7. Cuối tháng 7/2021, ĐMX Supermini (ĐMS) có 589 cửa hàng, trong đó có 23 cửa hàng mở mới. Ước tính KQKD của hai chuỗi TGDD và ĐMX trong 2 tháng cuối Q3/2021 là tháng thấp điểm, với doanh thu chỉ đạt ~6,300 tỷ đồng (-47%YoY) do Chính Phủ ban hành quy định giãn cách xã hội siết chặt ở nhiều địa phương (nhất là TPHCM và Hà Nội).

Chuỗi BHX – động lực tăng trưởng chính trong 2H2021: BHX ghi nhận kỷ lục mới với mức doanh thu gần 4,240 tỷ đồng trong tháng 7, tăng 55% tháng trước và tăng 133% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu trung bình mỗi cửa hàng đạt hơn 2.1 tỷ đồng. Ngoài ra, BHX cũng ghi nhận kỷ lục về số lượt phục vụ trên kênh BHX online, với hơn 315 ngàn đơn hàng giao thành công, gấp 1.5 lần so với trước dịch. BHX tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong 2H2021, ước tính tăng trưởng ~75%YoY nhờ (1) Hưởng lợi từ nhu cầu tích trữ thực phẩm thiết yếu của người dân tăng mạnh trong Q3 và chợ truyền thống đóng cửa; (2) Thu hút khách hàng so với các đối thủ nhờ nỗ lực tìm kiếm nguồn cung với giá cả hợp lý; (3) Cam kết tập trung mọi nguồn lực cho việc tăng sản lượng và đưa hàng lên kệ nhanh nhất để phục vụ người tiêu dùng, mặc dù số lượng đội ngũ nhân viên dưới 50% so với điều kiện bình thường.

Định giá & khuyến nghị: Chúng tôi hạ mức dự phóng DTT từ mức 130,836 tỷ đồng xuống còn 117,540 tỷ đồng trong 2021 do đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh và lan rộng trên cả nước vào cuối Q2 và kéo dài sang hết Q3. LNST trong 2021 ước tính đạt 5,183 tỷ đồng (+32%YoY) với giả định BLG cải thiện ở mức 23%. Bằng phương pháp định giá DCF và P/E, chúng tôi hạ mức giá hợp lý cho cổ phiếu MWG từ 168,000 đồng/cổ phiếu xuống còn 165,500 đồng/ cổ phiếu (+0.6% so với giá hiện tại). Từ đó, khuyến nghị **GIỮ** cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Mạng điện thoại di động đang bão hòa; (2) Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến ngành hàng điện tử, điện máy; (3) BHX đang chịu sức ép từ nhiều đối thủ cạnh tranh trong ngành FMCG như Vinmart, Co food.

| Chỉ số tài chính | 2016A | 2017A | 2018A | 2019A | 2020A | 2021F |
|--------------------------|--------|--------|--------|---------|---------|---------|
| Doanh thu thuần (tỷ VND) | 44,613 | 66,340 | 86,516 | 102,174 | 108,546 | 117,540 |
| LNST (tỷ VND) | 1,578 | 2,207 | 2,880 | 3,836 | 3,920 | 5,183 |
| EPS (VND) | 10,246 | 7,162 | 6,689 | 8,657 | 8,654 | 10,901 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 47% | -30% | -7% | 29% | 0% | 26% |
| Giá trị sổ sách (VND) | 24.949 | 19.187 | 20.872 | 27.416 | 34.197 | 42.455 |
| P/E | 15.23 | 18.29 | 13.01 | 13.17 | 13.74 | 15.19 |
| P/B | 6.25 | 6.83 | 4.17 | 4.16 | 3.48 | 3.90 |